

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v: “*Tranh chấp về  
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Thị Hào.
- Ông Bùi Tấn Sinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị D, địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người làm chứng vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30-12-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06-01-2023, đơn trình bày ý kiến ngày 17-02-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:*

Bà H là đại lý của Tổng Công ty B, vào khoảng tháng 5 năm 2022 ông P và bà L có đến nhà của ông Nguyễn Thành T là em trai của bà H thăm chơi nên quen biết H và được H tư vấn gói bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc với mức phí khoảng 150.000.000 đồng/năm với nhiều quyền lợi nên ông P, bà L rất thích gói bảo hiểm này, nhưng nói để ít hôm cân nhắc xong rồi mới quyết định, khoảng 4 ngày sau thì bà L gọi H lên làm hợp đồng bảo hiểm cho ông P, tại nhà bà L và ông P, bà H đã tư vấn lại một lần nữa gói bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc, bà L thống nhất nên ông P đã ký vào hợp đồng bảo hiểm, bà H hỏi bà L tiền chi đóng như thế nào thì bà L nói tiền mặt chưa có, mới chỉ có phần tiền của bạn đi ghe, nên bà L nói bà H cho mượn đóng tiền bảo hiểm giúp, khoảng 1 tuần nữa lấy tiền mặt thì bà L trả tiền, nên bà H đã dùng tiền của bà H đóng tiền vào công ty bảo hiểm cho hợp đồng bảo hiểm của ông P, khi đóng tiền thì công ty bảo hiểm kiểm tra hồ sơ và yêu cầu phải giấy tờ thể hiện tài chính và sức khỏe của ông P mới đủ điều kiện tham gia gói bảo hiểm này. Sau đó bà L cung cấp cho bà H bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận chủ sở hữu tàu thuyền và bà H đưa ông P đi khám sức khỏe, ngày hôm sau có kết quả khám bệnh, theo kết quả khám này ông P bị bolip túi mật, men gan cao, mở trong máu, tuy nhiên những bệnh này nằm trong khoản chấp nhận có thể ký hợp đồng bảo hiểm với điều kiện có áp phí phụ trội thành 152.377.200 đồng, bà H trao đổi việc này với bà L, bà L đồng ý nhưng nói ông P không có nhà khi nào ông P về thì bà L gọi lên ký hợp đồng bảo hiểm và các giấy tờ liên quan hợp đồng bảo hiểm, đến chiều bà H gọi cho bà L thì bà L nói ông P ở dưới ghe chưa về, bà H liên hệ với ông P và mang hồ sơ bảo hiểm đôn đò của bà Phạm Thị D chở ra ghe đưa hồ sơ để cho ông P ký các giấy tờ liên quan hợp đồng bảo hiểm, giấy mượn tiền và chính ông P là người đã ký hồ sơ bảo hiểm và giấy mượn tiền, khi ký xong thì bà H đi đò của bà Phạm Thị D vô lại bờ và gửi các giấy tờ ông P đã ký và hợp đồng bảo hiểm của ông P được công ty B1 chấp nhận, ngày 21-5-2022 bà H cho ông P, bà L vay số tiền 152.377.200 đồng để đóng tiền mua bảo hiểm vào công ty bảo hiểm nên ngày 21-5-2022 hợp đồng bảo hiểm ông P ký đã có hiệu lực pháp luật và ngày 28-5-2022 Tổng công ty B đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc – chương trình cao cấp cho ông Ngô Thanh P theo giấy yêu cầu bảo hiểm số A22005845391 với thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Trọn đời tính từ ngày 21-5-2022. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà H nhiều lần yêu cầu ông P, bà L trả nợ nhưng cứ hẹn mãi và cho đến nay vẫn chưa trả lại tiền cho bà H. Do đó bà H yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà L trả cho bà H 152.377.000 đồng tiền mượn đóng mua bảo hiểm và tiền lãi với lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 10%/năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến nay (ngày 29-02-2024) là 20 tháng 28 ngày = 26.474.992 đồng.

Về chứng cứ bà H đã nộp gồm có: 01 giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022 do bà H viết nội dung và ông Ngô Thanh P là người ký ghi họ tên, nội dung ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị Thanh L thống nhất mượn của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 152.377.000 đồng để nộp bảo hiểm nhân thọ theo giấy yêu cầu A22005845391 và hứa sẽ trả toàn bộ tiền khi lấy tiền mặt vào tháng 5 năm 2022 và tài liệu chứng minh đã nộp số tiền 152.377.200 đồng theo

giấy yêu cầu A22005845391 của ông Ngô Thanh P cho công ty B2 hiểm thay cho ông Ngô Thanh P là giấy “Chi tiết mã bill theo bảng kê” lập ngày 21-5-2022.

*Tại bản tự khai ngày 04-01-2023, ông Ngô Thanh P trình bày:* Vợ P là bà Phạm Thị Thanh L, giữa vợ chồng ông P và bà H có quen biết nhau, trong một lần gặp nhau thì bà H có bảo vợ chồng ông P mua bảo hiểm, đến tháng 4 năm 2022 bà H có đến nhà vợ chồng ông P, hôm đó nhà ông P có việc nên ông P có uống rượu, bà H bảo ông P ký một số giấy tờ về bảo hiểm, ông P có hỏi là vợ tôi có đồng ý chưa, bà H bảo đồng ý rồi, nhưng thực tế vợ ông P không biết gì hết, lúc đó ông P có ký cho bà H nhưng không biết nội dung là gì, bà H tự ý nộp tiền ông P không hay biết, hôm sau bà H năn nỉ bảo ông P đi khám bệnh, ông P không đi nhưng bà H đi xe ô tô tới nhà ông P bảo ông P đi, rồi ông P cũng đi khám theo yêu cầu của bà H, sau khi khám thì ông P có bệnh bôlíp túi mật, bác sỹ nói thời gian sau sẽ phải mổ nên vợ chồng ông P suy nghĩ bệnh thì không thể mua bảo hiểm được nhưng bà H tự ý đóng tiền bảo hiểm vào lúc nào vợ chồng ông P cũng không biết, đến thời gian ông P đi biển vô chuyên thứ 3 vào khoảng tháng 11 năm 2022 (âm lịch) thì bà H yêu cầu vợ chồng ông P trả nợ nếu không sẽ gây rối không cho ăn tết. Vợ chồng ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì vợ chồng ông P không mượn số tiền trên của bà H và chữ viết chữ ký trong giấy mượn tiền không phải là của ông P. Cuối bản tự khai, bà Phạm Thị Thanh L trình bày thống nhất với toàn bộ nội dung ông P trình bày.

*Tại biên bản đối chất ngày 10-02-2023:* Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không có mượn tiền của nguyên đơn và chữ viết chữ ký trong giấy mượn tiền không phải là của ông P và yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký chữ viết trong giấy mượn tiền, nếu kết luận giám định đúng là chữ ký, chữ viết của ông P thì vợ chồng ông P, bà L sẽ có trách nhiệm trả số tiền 152.377.000 đồng cho bà H và bị đơn cung cấp cho Tòa án các văn bản có chữ ký, viết của ông P để làm mẫu so sánh giám định gồm: Biên bản tiếp nhận thông tin và biên bản kiểm tra phương tiện đề ngày 17-12-2016 của Trạm kiểm soát biên phòng B3; nhật ký khai thác hải sản; biên bản kiểm tra tàu cá cập cảng đề ngày 29-8-2020. Ngày 06-5-2023 Tòa án đã trung cầu Phòng K Công an tỉnh Q giám định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022. Ngày 24-5-2023 Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số 527/KL-KTHS, kết luận: chữ ký, chữ viết tên Ngô Thanh P trong giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022 với chữ ký, chữ viết của Ngô Thanh P trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Sau khi ra Quyết định xét xử, ngày 22-8-2023 bà Phạm Thị Thanh L có đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định lại với lý do là trên thực tế ông P không viết và ký trong giấy mượn tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa đề trung cầu giám định lại. Ngày 06-10-2023 Tòa án đã trung cầu Viện khoa học hình sự - Bộ C giám định lại. Ngày 29-12-2023 V ban hành Kết luận số 75/KL-KTHS, kết luận: chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Thanh P dưới mục người mượn tiền trong giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022 so với chữ ký, chữ viết của Ngô Thanh P trên các

tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: - Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật. - Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.+ Buộc vợ chồng ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị Thanh L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc: 152.377.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Buộc vợ chồng ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị Thanh L phải thanh toán tiền nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc cho bà H tính từ tháng 6/2022 đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất 10%/năm.

+ Buộc ông P, bà L phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Thanh P, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi phải trả khoản tiền còn nợ cho bà H. Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn thụ lý vụ án dân sự: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Ngô Thanh P, bà Phạm Thị Thanh L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan, bà Phạm Thị D là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 152.377.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến ngày Tòa án xét xử là 20 tháng 28 ngày = 26.474.992 đồng đối với số tiền đã vay theo giấy mượn tiền đề ngày 21-5-2022. Bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên

đơn và không ký vào giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là 01 “giấy mượn tiền (giấy nợ)” đề ngày 21-5-2022, giấy này bà H trình bày bà H là người viết nội dung và ông Ngô Thanh P là người ký ghi họ tên, có nội dung ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị Thanh L thống nhất mượn của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 152.377.000 đồng để nộp bảo hiểm nhân thọ theo giấy yêu cầu A22005845391 và hứa sẽ trả toàn bộ tiền khi lấy tiền mục vào tháng 5 năm 2022 và giấy “Chi tiết mã bill theo bảng kê” lập ngày 21-5-2022 do bà H cung cấp để chứng minh bà H đã nộp số tiền 152.377.200 đồng theo giấy yêu cầu A22005845391 của ông Ngô Thanh P cho công ty B1 cho ông Ngô Thanh P.

[2.2] Căn cứ vào Kết luận giám định số 527/KL-KTHS ngày 24-5-2023 của Phòng K Công an tỉnh Q và Kết luận giám định số 75/KL-KTHS ngày 29-12-2023 của V - Bộ C đều kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Thanh P dưới mục người mượn tiền trong giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022 so với chữ ký, chữ viết của Ngô Thanh P trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

[2.3] Căn cứ vào Văn bản số 271/2023/BVNT-CV ngày 27-4-2023 của Tổng công ty B và tài liệu kèm theo do Tổng công ty B, hồ sơ bảo hiểm do ông P ký với Tổng công ty B, Giấy chứng nhận bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc – chương trình cao cấp và Phụ lục Giấy chứng nhận bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc – chương trình cao cấp với phí bảo hiểm tổng cộng là 152.377.200 đồng, Biên nhận thu phí bảo hiểm đề ngày 21-5-2022 xác định: Tổng công ty B đã nhận số tiền 152.377.200 đồng là phí bảo hiểm theo giấy yêu cầu bảo hiểm số A22005845391 của ông Ngô Thanh P do bà Nguyễn Thị Thu H là nhân viên thu và nộp cho Tổng công ty B bằng hình thức tiền mặt qua Mobile APP vào ngày 21-5-2022. Ngày 28-5-2022 Tổng công ty B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc – chương trình cao cấp cho ông Ngô Thanh P theo giấy yêu cầu bảo hiểm số A22005845391 với thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Trọn đời tính từ ngày 21-5-2022, người được bảo hiểm là ông Ngô Thanh P và người thụ hưởng là bà Phạm Thị Thanh L.

[2.4] Căn cứ những tài liệu, chứng cứ trên đủ cơ sở khẳng định: Ông Ngô Thanh P có mượn số tiền 152.377.000 đồng của bà H và có vào ký giấy mượn tiền (giấy nợ) đề ngày 21-5-2022 với mục đích mượn tiền là để nộp bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng bảo hiểm và giấy yêu cầu bảo hiểm số A22005845391 mà ông P đã ký với Tổng công ty B và ngày 21-5-2022 bà H đã nộp số tiền 152.377.200 đồng mà ông P mua bảo hiểm cho Tổng công ty B nên hợp đồng bảo hiểm ông P ký đã có hiệu lực kể từ ngày 21-5-2022. Ngày 28-5-2022 Tổng công ty B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc – chương trình cao cấp cho ông Ngô Thanh P theo giấy yêu cầu bảo hiểm số A22005845391 với thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Trọn đời tính từ ngày 21-5-2022, người được bảo hiểm là ông Ngô Thanh P và người thụ hưởng là bà Phạm Thị Thanh L.

[2.5] Khi ông P ký giấy mượn tiền để mua bảo hiểm thì ông P và bà L là vợ chồng, theo giấy chứng nhận bảo hiểm thì ông P là người được bảo hiểm và bà L là người thụ hưởng, do đó việc ông P ký giấy mượn tiền của bà H là nhằm để phục vụ mục đích chung của vợ chồng nên đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đồng thời tại biên bản đối chất ngày 10-02-2023 ông P, bà L trình bày: Trường hợp kết luận giám định đúng là chữ ký, chữ viết của ông P thì vợ chồng ông P, bà L sẽ có trách nhiệm trả số tiền 152.377.000 đồng cho bà H và kết luận giám định đã xác định chữ ký, chữ viết Ngô Thanh P trong giấy mượn tiền đúng là chữ ký, chữ viết của ông P, do đó ông P và bà L phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 152.377.000 đồng mà ông P đã ký mượn của bà H.

[2.6] Đồng thời trong giấy mượn tiền có thỏa thuận thời hạn mượn tiền là trong tháng 5 năm 2022, mặc dù trong giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi nhưng quá thời hạn vay tiền và mãi đến nay ông P và bà L không trả cho bà H do đó, bà H yêu cầu ông P, bà L phải trả tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền đã vay 152.377.000 đồng với lãi suất 10% năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến ngày xét xử (29-02-2024) là 20 tháng 28 ngày = 26.474.992 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.7] Từ những nhận định trên, căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông P và bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 152.377.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến ngày 29 tháng 02 năm 2024 với lãi suất 10%/năm = 26.474.992 đồng. Tổng cộng là 178.851.992 đồng cho bà H.

[3] Đối với số tiền 200 đồng (chênh lệch giữa số tiền 152.377.200 đồng bà H đã nộp vào Tổng công ty B4 cho ông P với số tiền 152.377.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền do ông P ký), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H trình bày số tiền này bà tự nguyện cho ông P, bà không yêu bị đơn trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông P và bà L là người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định vì cho rằng không phải chữ ký, chữ viết của ông P, tuy nhiên kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông P và bà L là không có căn cứ, nên căn cứ vào các điều 159, 160, 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, buộc ông P và bà L phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng, ông P và bà L đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng và đã chi xong cho cơ quan giám định theo Phiếu thu ngày 15-6-2022 của Phòng K Công an tỉnh Q.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông P và bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà H là 8.942.599 đồng (5% x 178.851.992 đồng)

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 159, 160, 161, 162; điểm b khoản 2 Điều 227, các điều 228, 235, 266, 271; khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị Thanh L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền là 178.851.992 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm năm mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng, gồm nợ gốc 152.377.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 01-6-2022 đến ngày 29-02-2024 là 26.474.992 đồng*) theo “giấy mượn tiền (giấy nợ)” đề ngày 21-5-2022.

2. Buộc ông P và bà L phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng ông P và bà L đã nộp tạm ứng và đã chi xong cho cơ quan giám định theo Phiếu thu ngày 15-6-2022 của Phòng K Công an tỉnh Q.

3. Ông Ngô Thanh P và bà Phạm Thị Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.942.599 đồng.

4. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.999.900 đồng theo biên lai thu số 0005169 ngày 18-01-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Linh**